TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29/5/2024
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Xuân Dậu.
Ông Đặng Quang Hoạch.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Ông Cao Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 123/2024/TLST-HNGĐ ngày 23/02/2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1982.
HKTT: Khu vực T, phường T, quận T, Tp. C.
Hiện tại trú: Tổ 1, ấp 2, xã A, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1987.
HKTT: Khu vực T, phường T, quận T, Tp. C.
Hiện tại trú: Tổ 1, ấp 2, xã A, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
(các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận T, thành phố C vào năm 2020. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không còn tiếng nói chung, anh C không chăm lo gia đình, thường xuyên ăn nhậu, bài bạc, nợ nần chị phải gồng gánh trả nợ, đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh C không thay đổi, tuy chung sống một

nhà nhưng vợ chồng không còn quan tâm đến nhau 02 tháng nay. Hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia T, sinh ngày 27/8/2020. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu Thuận và yêu cầu anh C cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bận công việc nên chị xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Theo biên bản lấy lời khai ngày 26/02/2024 - Bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Ngọc T tự nguyện tìm hiểu nhau được khoảng 03 năm thì đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận T, thành phố C vào ngày 09/7/2020. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn từ việc anh có chơi bài bạc nhưng chơi giải trí và anh đã bỏ không chơi được khoảng 06 tháng nay; hiện nay anh còn thương vợ, thương con, anh sẽ cố gắng thay đổi và hy vọng chị T cho anh cơ hội để sữa chửa, làm lại nên anh không đồng ý ly hôn với chị T; nhưng anh đề nghị Tòa án cho anh thời gian 01 tháng để anh cố gắng hàn gắn, hòa giải vợ chồng đoàn tụ, trường hợp không đoàn tụ được thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia T, sinh ngày 27/8/2020. Trường hợp chị T kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng và anh đồng ý cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị T là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho chị được ly hôn với anh C. Về con chung: Giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh C cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng; tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị T, anh C phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Ngọc T nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1987, địa chỉ: Tổ 1, ấp 2, xã A, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ là *"Ly hôn, tranh*

chấp nuôi con" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Chị T nộp đơn đúng trình tự thủ tục nên được thụ lý, giải quyết.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh C tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn, được UBND phường Thuận Hưng, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71 ngày 09/7/2020 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh C, hiện nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, hôn nhân không hạnh phúc; đồng thời quá trình giải quyết vụ án anh C đề nghị Tòa án tạo điều kiện thêm thời gian 01 tháng để hàn gắn, đoàn tụ, nếu không hàn gắn được thì anh cũng đồng ý ly hôn, tuy nhiên đến nay chị T vẫn kiên quyết ly hôn; hơn nữa, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh C để làm việc, hòa giải, hàn gắn nhưng anh C vắng mặt không có lý do, thể hiện việc anh không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ. Từ những căn cứ trên, xét mâu thuẫn giữa anh C và chị T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh C là có cơ sở chấp nhận và phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2 - Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia T, sinh ngày 27/8/2020. Trường hợp ly hôn, chị T và anh C thống nhất giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh C cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng của chị T.

3.3 - Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 220, 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc T về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* với anh Nguyễn Văn C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia T, sinh ngày 27/8/2020 cho chị Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh Nguyễn Văn C phải đóng góp cho chị Nguyễn Ngọc T 1.500.000 đồng/tháng tiền cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày 29/5/2024 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh Nguyễn Văn C được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thanh toán tiền cấp dưỡng hàng tháng, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006589 ngày 22/02/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Chị Nguyễn Ngọc T đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn C phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

5. Chị Nguyễn Ngọc T, anh Nguyễn Văn C có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAT, THA,VKS;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương